

BÁO CÁO
Kết quả thống kê đất đai năm 2020

Thực hiện Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đất đai; Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thực hiện Công văn số 15/CV-TNMT ngày 11/01/2021 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện về việc tiếp tục triển khai thực hiện thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn huyện. UBND xã Bờ Ngoong báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn xã, cụ thể như sau.

1. Mục đích, yêu cầu

Thống kê đất đai năm 2020 nhằm đánh giá chính xác thực trạng sử dụng đất; làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý, sử dụng, những biến động về đất đai trong năm 2020 và đề xuất cơ chế, chính sách pháp luật nhằm tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các cấp, đồng thời cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu; làm căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2022, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của xã.

Thống kê đất đai năm 2020 nhằm cung cấp kịp thời, đầy đủ những thông tin cần thiết, chính xác về đất đai để hoạch định các chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và việc quản lý sử dụng có hiệu quả, hợp lý tài nguyên đất nói riêng trên địa bàn xã; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực.

Việc tổng hợp diện tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai được thể hiện trên các loại bảng biểu theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân số và xã hội:

2.1. Vị trí địa lý:

Xã Bờ Ngoong là xã vùng II nằm cách trung tâm huyện 20 km về phía Bắc. Ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Bar Mãi;
- Phía Nam giáp xã Al Bá;
- Phía Đông giáp xã Ayun;
- Phía Tây giáp xã Ia Tiêm và xã Chư Pong huyện Chư Sê.

2.2. Nhân lực:

Toàn xã có 10 thôn, làng gồm: làng Pa Pét, làng Amo, làng Quái, làng Thoong Nha, làng Púih Jri, làng Dnâu, thôn Đồng Tâm, thôn Tân Tiên, thôn Đoàn

Kết, thôn 16. Trong đó có 04 thôn người Kinh, 06 làng đồng bào dân tộc thiểu số (03 làng người Bana, và 03 làng người Jrai). Tổng dân số toàn xã có 7.493 người

2.3. Số lao động trong độ tuổi:

- Xã Bờ Ngoong có lực lượng lao động khá dồi dào với 4.434/7.493 người, chủ yếu là lao động trẻ, chiếm 59,17% trên tổng dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là 4041 người, chiếm 91,15% lực lượng lao động của xã; Còn lại 8.85% là lao động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, công chức, viên chức nhà nước.

3. Tình hình tổ chức thực hiện

Thực hiện Điều 34 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Ủy ban nhân dân xã Bờ Ngoong đã chỉ đạo công chức Địa chính - Xây dựng triển khai, thực hiện thống kê đất đai năm 2020 theo đúng quy định.

3.1. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu thống kê đất đai năm 2018.

Nguồn số liệu, phương pháp điều tra, thu thập số liệu.

- Nguồn số liệu:

+ Số liệu kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2019, số liệu thống kê đất đai từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018 và số liệu thống kê đất đai từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

+ Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018.

+ Hồ sơ địa chính và các loại hồ sơ khác có liên quan.

- Phương pháp điều tra, thu thập số liệu:

Số liệu hiện trạng sử dụng đất cấp xã được tổng hợp từ số liệu thống kê đất đai trên cơ sở tổng hợp các trường hợp biến động về sử dụng đất trong năm thống kê từ hồ sơ địa chính và các hồ sơ, tài liệu khác về đất đai liên quan, có liên hệ với thực tế sử dụng đất, để chỉnh lý số liệu thống kê, kiểm kê của năm trước.

3.2. Phương pháp thực hiện.

Từ những số liệu đã thu thập, sau khi tính toán tổng hợp các biểu: 01-TKĐĐ, 02-TKĐĐ, 03-TKĐĐ, 05a-TKĐĐ, 05b-TKĐĐ; phân tích số liệu thống kê, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động sử dụng đất của địa phương, tổng hợp các biểu: 12-TKĐĐ, 13-TKĐĐ, biểu 14-TKĐĐ, phục vụ cho phân tích tình hình biến động đất đai (có kèm theo biểu).

3.3. Đánh giá mức độ tin cậy của số liệu thu thập.

* **Thuận lợi:** Các hồ sơ, tài liệu và các loại số liệu nêu trên có đầy đủ cơ sở pháp lý nên thuận lợi cho việc tổng hợp. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019, số liệu thống kê đất đai năm 2018 và số liệu thống kê đất đai năm 2020 được thực hiện theo Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nên thống nhất tổng diện tích tự nhiên của xã.

* **Khó khăn:** Do diện tích tự nhiên trên địa bàn xã rộng lớn mà công chức thực hiện thống kê chỉ có 01 công chức Địa chính - Xây dựng, nên việc ra soát hiện trạng sử dụng còn gặp nhiều khó khăn.

4. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính xã:

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 thì tổng diện tích tự nhiên của xã Bờ Ngoong là 3811.45.

4.1 Diện tích đất đai phân theo mục đích sử dụng

Bảng diện tích đất phân theo mục đích sử dụng

STT	Mục đích sử dụng	Mã đất	Diện tích toàn xã (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	3525.29	92.49
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	281.50	7.39
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4.66	0.12
Tổng cộng			3811.45	100

Chia ra các loại đất cụ thể như sau:

- **Nhóm đất nông nghiệp:** Trên địa bàn xã có tổng diện tích là 525.29 ha gồm các loại đất:

+ Đất sản xuất nông nghiệp là: 3202.65 ha, chiếm 84.03 % tổng diện tích đất tự nhiên của xã, chiếm 90.08 % diện tích đất nông nghiệp;

+ Đất lâm nghiệp có diện tích: 312.12 ha, chiếm 8.19 % tổng diện tích đất tự nhiên của xã, chiếm 8.85 % diện tích nông nghiệp;

+ Đất nông nghiệp khác: 9.26 ha chiếm 0.24 % tổng diện tích đất tự nhiên của xã, chiếm 0,26 % diện tích nông nghiệp.

- Đất phi nông nghiệp

Theo kết quả kiểm kê, tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn xã là 281.51ha, chiếm 7.39 % tổng diện tích tự nhiên, phân bổ ra các loại đất sau:

Bảng tổng hợp diện tích đất phi nông nghiệp

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Đất phi nông nghiệp		281.51	100
1	Đất ở	97.04	34.49
1.1	Đất ở tại nông thôn	97.04	34.49
1.2	Đất ở tại đô thị	0	0
2	Đất chuyên dùng	110.09	39.13
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0.58	0.22
2.2	Đất quốc phòng	0	

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.3	Đất an ninh	0	
2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	10.30	3.66
2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.88	0.68
2.6	Đất có mục đích công cộng	97.32	34.58
3	Đất cơ sở tôn giáo	0.45	0.19
4	Đất cơ sở tín ngưỡng	0	0
5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	7.59	2.72
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	29.08	10.35
7	Đất có mặt nước chuyên dùng	36.89	13.12
8	Đất phi nông nghiệp khác	0	0

- Nhóm đất chưa sử dụng: Là đất chưa xác định được mục đích sử dụng, bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây; đất chưa sử dụng của xã Bờ Ngoong hiện tại có: 4.66 ha, chiếm 0.12% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích đất UBND cấp xã quản lý là 2.44 ha, chiếm 52.36 % đất chưa sử dụng;

+ Diện tích do tổ chức sự nghiệp công lập 2.22 ha chiếm 47.64 % đất chưa sử dụng.

Đất chưa sử dụng được thể hiện như sau.

STT	Mục đích sử dụng	Mã đất	Diện tích toàn huyện (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0.92	19.75
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	3.74	80.25
3	Núi đá không có rừng cây	NCS	0	0
Tổng cộng			4.66	100

4.2. Hiện trạng sử dụng đất phân theo đối tượng quản lý, sử dụng:

- Hộ gia đình cá nhân trong nước: 2764.48 ha; chiếm 72.53 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 2667.44 ha, chiếm 75.67% tổng diện tích đất nông nghiệp;

+ Đất phi nông nghiệp: 97.04 ha, chiếm 34.47 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức kinh tế: 336.68 ha, chiếm 8.83 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 621.40 ha, chiếm 9.12 % tổng diện tích đất nông nghiệp;

+ Đất phi nông nghiệp: 15.28 ha, chiếm 5.43 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Cơ quan, đơn vị của Nhà nước:** 12.36 ha, chiếm 0.32 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất phi nông nghiệp: 12.36 ha, chiếm 4.39 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Tổ chức sự nghiệp công lập:** 547.50 ha, chiếm 14.37 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 536.45ha, chiếm 15.22% tổng diện tích đất nông nghiệp;

+ Đất phi nông nghiệp: 8.84 ha, chiếm 3.14 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

+ Đất chưa sử dụng: 2.22 ha, chiếm 47.64% tổng diện tích đất chưa sử dụng.

- **Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo:** 1.07 ha, chiếm 0.33 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất phi nông nghiệp: 31.07 ha, chiếm 0.38 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- **UBND cấp xã (quản lý):** 109.86 ha, chiếm 2.88 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất phi nông nghiệp: 107.42 ha, chiếm 38.16 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp;

+ Đất chưa sử dụng: 2.44 ha, chiếm 52.36% tổng diện tích đất chưa sử dụng.

- **Cộng đồng dân cư và tổ chức khác:** 39.50 ha, chiếm 1.04 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất phi nông nghiệp: 39.50 ha, chiếm 14.03 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

(Cụ thể theo biểu số 01/TKĐĐ và biểu số 13/TKĐĐ kèm theo).

5. Tình hình biến động và nguyên nhân tăng, giảm giữa số liệu thống kê đất đai năm 2020 với số liệu kiểm kê đất đai năm 2019:

5.1. Diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên năm 2020 là 3811.45 ha, không thay đổi so với năm 2019.

5.2. Nhóm đất nông nghiệp:

Tổng diện tích đất nông nghiệp không thay đổi so với năm 2019 và chỉ biến động giữa các loại đất nông nghiệp. Cụ thể:

- Đất trồng cây hàng năm khác diện tích năm 2019 là 1014.52 ha, năm 2020 diện tích là 1007.32 ha, giảm 7.20 ha do chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm.

- Đất trồng cây lâu năm diện tích năm 2019 là 2193.15 ha, năm 2020 diện tích là 2195.33 ha, tăng 2.18 ha:

+ Giảm do chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác là 5.02 ha;

+ Tăng do đất trồng cây hàng năm khác chuyển mục đích sang: 7.20 ha.

- Đất nông nghiệp khác diện tích năm 2019 là 4.24 ha, năm 2020 diện tích là 9.26 ha, tăng 5.02 ha do chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang.

5.3. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Diện tích năm 2020 là 281.51 ha, không thay đổi so với năm 2019

5.4. Nhóm đất chưa sử dụng:

Diện tích năm 2020 là 4.66 ha, không thay đổi so với năm 2019

(Cụ thể tại Biểu 12/TKĐĐ, 14/TKĐĐ kèm theo)

6. Tình hình sử dụng đất theo quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

Nhìn chung, các tổ chức; cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cơ bản sử dụng đúng mục đích và chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

7. Kết luận

Kết quả thống kê đất đai năm 2020 giúp cho địa phương đánh giá chính xác thực trạng quản lý, sử dụng đất; hiện trạng quỹ đất chưa sử dụng; tình hình biến động đất đai so với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019; tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt; tình hình đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn xã.

Kết quả thống kê đất đai năm 2020 là cơ sở quan trọng để đề xuất cơ chế, chính sách; pháp luật, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đồng thời cung cấp thông tin, số liệu, làm căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2022.

Kết quả thống kê đất đai năm 2020 được thể hiện trên các biểu bảng số liệu (*dạng giấy và dạng số*) theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, là tài liệu phục vụ công tác điều tra cơ bản về tài nguyên đất, phục vụ cho việc xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh, huyện nói chung và xã Bờ Ngoong nói riêng.

Trên đây là báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn xã Bờ Ngoong./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (Bc);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Duy Khương